

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2026/HS-ST
Ngày 14 tháng 8 năm 2026

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Tình.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vàng Mí Chở, bà Lương Thị Nhiều.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Lộc Thế Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 8 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2026/TLST-HS ngày 10/6/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. Sìn A Đ, sinh ngày 12 tháng 8 năm 1971, tại xã M, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang); Căn cước công dân số: 002071***76, cấp ngày 15/9/2022; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 0/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Sìn A P, sinh năm 1938 (đã chết) và bà Lý Thị T, sinh năm 1942 (đã chết); bị cáo có 10 anh em. Bị cáo là con thứ năm trong gia đình; vợ: Lý Thị K, sinh năm 1975; con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2025 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị Tạm giam tại Trại giam S1 Công an tỉnh T (có mặt).

2. Đỗ Văn L, sinh ngày 29 tháng 8 năm 1984, tại xã N, tỉnh Hưng Yên; nơi thường trú: Thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang; Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang; Căn cước công dân số: 034084***50, cấp ngày 14/9/2024; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1948 và bà Phạm Thị T2, sinh năm 1950; bị cáo có 03 chị em. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị X, sinh năm 1988; con: Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân

thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Giam S1 Công an tỉnh T (có mặt).

3. Nguyễn Văn S, sinh ngày 01 tháng 8 năm 1992, tại xã M, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang (nay là thôn M, xã M, tỉnh Tuyên Quang); Căn cước công dân số: 002092***91, cấp ngày 11/8/2021; nơi cấp Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ C2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; bị cáo có 03 chị em. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị T3, sinh năm 1995; con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2025 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại Giam S1 Công an tỉnh T (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Sìn A Đ*: Bà Phạm Thị Thanh L1 – Luật sư thuộc đoàn Luật sư tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và luận cứ bào chữa cho bị cáo).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lý Thị K, sinh ngày 06/5/1975; địa chỉ: Thôn T, xã M, tỉnh Tuyên Quang, nay là thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

2. Chị Nguyễn Thị X, sinh ngày 03/4/1988; địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 25/12/1963; địa chỉ: Thôn P, xã M, tỉnh Tuyên Quang, nay là thôn :, xã M, tỉnh Tuyên Quang (có mặt);

- *Người làm chứng*:

1. Anh Nguyễn Đình H, sinh ngày 26/02/1991; địa chỉ: Thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

2. Anh Lê Văn Đ1, sinh ngày 22/12/1992; địa chỉ: Thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang, nay là thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt);

3. Anh Nguyễn Văn D, sinh ngày 16/11/1983; địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, không có lý do).

Người phiên dịch tiếng Dao: Ông Xìn A C1, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng năm 2019, bị cáo Sìn A Đ quen biết một người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ, trú tại huyện B, tỉnh Cao Bằng (nay là xã B, tỉnh Cao Bằng). Hai bên trao đổi số điện thoại để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy. Đầu tháng 11 năm 2025, người đàn ông này gọi điện hỏi Đ có nhu cầu mua ma túy không. Đ đồng ý mua từ 05 đến 07 chỉ Heroine. Khoảng giữa tháng 11 năm 2025, người đàn ông mang ma túy đến

giao tại khu vực cổng nhà Đạch. Đạch trả số tiền 24.500.000 đồng và nhận 07 chỉ Heroine được chia thành 07 gói. Sau khi mang về nhà, Đ mở các gói Heroine, lấy một phần của mỗi gói để chia thành 03 gói nhỏ cất trong lọ thủy tinh, phần Heroine còn lại được cất trong một chiếc tất, bọc túi nilon rồi giấu trong ống cây vầu dưới gầm sàn nhà nhằm mục đích khi có người hỏi mua thì bán kiếm lời, đồng thời để sử dụng cho bản thân.

Ngày 21/11/2025, sau khi được Đỗ Văn L nhờ Nguyễn Văn S liên hệ mua ma túy, S và L thống nhất góp mỗi người 3.250.000 đồng để mua ma túy về bán kiếm lời. Nguyễn Văn S gọi điện cho Đ hỏi mua 01 chỉ Heroine với giá 6.500.000 đồng. Đến khoảng 17 giờ chiều cùng ngày, S mang tiền đến gần nhà Đ giao cho Đ và nhận 01 gói Heroine. Tối cùng ngày, S giao toàn bộ số Heroine này cho L. Sau khi nhận Heroine, L nghiền nhỏ, chia thành khoảng 20 gói để bán lẻ và sử dụng. Trong khoảng thời gian từ ngày 21/11 đến ngày 25/11/2025, L nhiều lần bán Heroine cho Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn D và một số người nghiện khác không xác định được nhân thân, mỗi gói có giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng, đồng thời sử dụng một phần cho bản thân. Sau khi bán hết số Heroine trên, Liệu thu được 16.200.000 đồng.

Đến trưa ngày 25/11/2025, sau khi đã bán hết số ma túy, L tiếp tục nhắn S liên hệ với Đ mua thêm Heroine. S gọi điện đặt mua 02 chỉ Heroine với giá 13.000.000 đồng. Chiều cùng ngày, L và S thống nhất sử dụng 13.000.000 đồng là tiền thu được từ việc bán ma túy để tiếp tục mua Heroine về bán kiếm lời, đồng thời L đưa cho S số tiền 1.600.000 đồng tiền lãi bán ma túy. Khoảng 18 giờ cùng ngày, S điều khiển xe máy biển kiểm soát số 23M – 187.05 mang tiền đến gặp Đ, giao 13.000.000 đồng và nhận 02 gói Heroine, sau đó mang về nhà. S giữ lại một ít để sử dụng, còn giao 01 gói cho L. Liệu tiếp tục nghiền nhỏ Heroine, chia thành nhiều gói nhỏ để bán lẻ và sử dụng. Đỗ Văn L tiếp tục nhiều lần bán Heroine cho Lê Văn Đ1, Nguyễn Văn D và các đối tượng nghiện khác với giá từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng mỗi gói, đồng thời sử dụng một phần cho bản thân. Sau khi bán hết số Heroine này, Liệu thu được 9.980.000 đồng. Khoảng 14 giờ ngày 04/12/2025, L đến nhà S lấy số Heroine còn lại, tiếp tục chia thành 23 gói nhỏ nhằm mục đích bán kiếm lời. Khi L cầm 23 gói Heroine về đến trước cửa nhà thì bị lực lượng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 23 gói Heroine, 02 điện thoại di động, 01 xe mô tô và số tiền 9.980.000 đồng.

Quá trình điều tra còn xác định, ngày 02/12/2025, bị cáo Sìn A Đ tiếp tục bán cho Nguyễn Đình H 01 gói Heroine với giá 300.000 đồng bằng hình thức hẹn địa điểm, tiền và ma túy tại vị trí đã thống nhất rồi thông báo cho H đến nhận.

Sau khi L bị bắt, ngày 04/12/2025, Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra đối với Đ. Đạch đã tự nguyện giao nộp 07 gói Heroine (ký hiệu A1 cất trong chiếc tất và 01 gói Heroine (ký hiệu A2) cất trong lọ thủy tinh cùng các vật chứng liên quan.

Ngày 05/12/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Nguyễn Văn S, đồng thời khám xét nơi ở của S, thu giữ thêm 03 gói Heroine (ký hiệu A2, A3, A4).

Tại bản Kết luận giám định số: 1695/KL-KTHS, ngày 10/12/2025, của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 thu giữ của Sìn A là chất ma túy, loại Heroine, tổng khối lượng là 29,71 gam.

Tại bản Kết luận giám định số: 1697/KL-KTHS, ngày 12/12/2025, của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận: Mẫu cần giám định thu giữ của Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S ký hiệu A1 là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 1,724 gam và mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3, A4 là chất ma túy, loại Heroine, có khối lượng là 2,423 gam.

Tại bản Cáo trạng số: 61/CT-VKSTQ ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố tố bị cáo Sìn A Đ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S và Đỗ Văn L về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sìn A Đ từ 16 năm đến 17 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 08 năm đến 09 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam; Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; Về vật chứng: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự tịch thu tiêu hủy vật chứng liên quan đến vụ án không còn giá trị sử dụng; Tịch thu sung quỹ nhà nước đối với tiền và các vật chứng còn giá trị sử dụng và Truy thu đối với các khoản tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy; Về trách nhiệm dân sự: Không; Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để miễn án hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sìn A Đ, buộc các bị cáo Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đồng.

Tại bản luận cứ số: 03/BLC- LS ngày 10/8/2026 gửi Hội đồng xét xử, người bào chữa có quan điểm bào chữa cho bị cáo Sìn A Đ: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc xác định bị cáo phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử khi quyết định hình phạt xem xét điều kiện, hoàn cảnh gia đình, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Do bị cáo có nhận thức pháp luật hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội trong quá trình điều tra, truy tố; ngoài lần

phạm tội này, bị cáo có quá trình sinh sống, làm việc tại địa phương chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có nhân thân tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về hình phạt bổ sung, do bị cáo và gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Về án phí, căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo có đơn xin miễn án phí, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo Sìn A Đ nhất trí với nội dung bản luận cứ bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung. Các bị cáo không có ý kiến gì khác. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người làm chứng Nguyễn Đình H và Lê Văn Đ1 vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; Nguyễn Văn D vắng mặt không có lý do. Xét thấy lời khai của những người này đã có trong hồ sơ vụ án và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về tội danh và áp dụng điều luật: Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản thu giữ vật chứng, các Kết luận giám định của Phòng K1 Công an tỉnh T, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định: Khoảng giữa tháng 11 năm 2025, bị cáo Sìn A Đ mua 07 chỉ Heroine của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch với giá 24.500.000 đồng. Sau đó Bị cáo Đ đã bán ma túy cho các bị cáo Nguyễn Văn S 2 lần vào các ngày 21/11/2025 và ngày 25/11/2025, với tổng số tiền là 19.500.000 đồng. Ngoài ra bị cáo Đ còn bán ma túy cho Nguyễn Đình H 01 gói ma túy với giá 300.000 đồng. Sau khi bị cáo Nguyễn Văn S mua được ma túy từ Sìn A, S giao lại cho Đỗ Văn L chia nhỏ bán cho nhiều người nhằm thu lợi bất chính; S cũng sử dụng một phần số ma túy đã mua. Đến ngày 04/12/2025, khi Đỗ Văn L đang mang 23 gói Heroine đi tiêu thụ thì bị phát hiện, bắt quả tang. Cùng ngày, Công an tỉnh T đến kiểm tra Đ đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số ma túy cho Cơ quan điều tra, đồng thời Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Sìn A, tổng khối lượng ma túy Sìn A Đ giao nộp là 29,71 gam. Ngày 05/12/2025, Cơ quan điều tra khám xét nơi ở của Nguyễn Văn S, thu giữ số Heroine còn lại là 2,423 gam.

[2.2] Tại Kết luận giám định số 1695/KL-KTHS ngày 10/12/2025, Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận các mẫu thu giữ của Sìn A gửi giám định, có tổng khối lượng 29,71 gam là ma túy, loại Heroine. Tại Kết luận giám định số 1697/KL-KTHS ngày 12/12/2025, các mẫu thu giữ của Nguyễn Văn S và Đỗ Văn L gửi giám định, có tổng khối lượng 4,147 gam đều là ma túy, loại Heroine. Như vậy, có căn cứ xác định số ma túy thu giữ của Sìn A Đ là 29,71 gam và số ma túy thu giữ của Nguyễn Văn S, Đỗ Văn L là 4,147 gam, có nguồn gốc từ số ma túy Đạch bán cho S và L. Do đó, Sìn A phải chịu trách nhiệm hình sự đối với tổng khối lượng 33,857 gam Heroine. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; các bị cáo Nguyễn Văn S và Đỗ Văn L cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 4,147 gam Heroine. Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Từ những phân tích nêu trên, có đủ căn cứ kết luận Cáo trạng số 61/CT-VKSTQ ngày 08/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và vai trò của từng bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, đồng thời là một trong những nguyên nhân làm phát sinh tệ nạn ma túy và các loại tội phạm khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều nhận thức rõ Heroine là chất ma túy bị Nhà nước nghiêm cấm mua bán, tàng trữ, sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào, nhưng vì mục đích thu lợi bất chính và để có ma túy để sử dụng, các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3.1] Đối với bị cáo Sìn A Đ: Bị cáo có hành vi phạm tội với tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Tổng khối lượng Heroine bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 33,857 gam. Bị cáo vừa là người trực tiếp tạo nguồn ma túy, vừa trực tiếp thực hiện nhiều lần hành vi mua bán cho người khác, trong đó có Nguyễn Văn S và Nguyễn Đình H. Hành vi của bị cáo được thực hiện độc lập, không có sự bàn bạc, thống nhất với các bị cáo khác để cùng thực hiện tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập đối với toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Với tính chất chủ động và mục đích thu lợi bất chính, hành vi của bị cáo có mức độ nguy hiểm rất cao, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[3.2] Đối với bị cáo Đỗ Văn L: Bị cáo có hành vi phạm tội với tính chất rất nghiêm trọng. Bị cáo L là người khởi xướng việc góp tiền mua ma túy để bán lại, trực tiếp rủ Nguyễn Văn S tham gia, tiếp nhận và chia nhỏ ma túy, sau đó nhiều lần đưa ma túy đi bán cho các đối tượng khác nhằm thu lợi bất chính. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 4,147 gam Heroine. Trong mối quan hệ đồng phạm với Nguyễn Văn S, L giữ vai trò chính, là người khởi xướng, trực tiếp tổ chức việc tiếp nhận, chia nhỏ và tiêu thụ ma túy, đồng thời quản lý tiền thu được từ việc bán ma túy và hưởng lợi từ việc phạm tội. Vì vậy, mức độ tham gia và tính nguy hiểm trong

hành vi của L cao hơn Nguyễn Văn S, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo S.

[3.3] Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Bị cáo có hành vi phạm tội với tính chất rất nghiêm trọng. S đã hai lần trực tiếp liên hệ, mua Heroine của Sìn A Đ với tổng số tiền 19.500.000 đồng, sau đó nhận ma túy và giao cho Đỗ Văn L để chia nhỏ, bán lại cho nhiều người nhằm thu lợi bất chính, đồng thời cùng tham gia hưởng lợi từ việc bán ma túy. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 4,147 gam Heroine. Tuy nhiên, S không phải là người khởi xướng, không trực tiếp chia nhỏ, tổ chức tiêu thụ và quản lý tiền bán ma túy như Liệu. Do đó, vai trò của S thấp hơn L, nhưng vẫn là người tích cực thực hiện tội phạm và phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với mức độ tham gia của mình. Đây là trường hợp đồng phạm có tính chất giản đơn, không có sự câu kết chặt chẽ, không có sự phân công vai trò chặt chẽ từ trước.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Đối với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử không áp dụng đối với bị cáo Sìn A Đ. Bởi lẽ, khối lượng ma túy bị cáo bán cho Nguyễn Văn S đã được cộng dồn để xác định tổng khối lượng 33,857 gam, thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và thông báo rút kinh nghiệm số 4559/RKN-TPTL ngày 04/5/2026 của tòa phúc thẩm tòa án nhân dân tối cao, tình tiết đã được sử dụng làm căn cứ định khung hình phạt thì không tiếp tục được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đ để tránh đánh giá trùng lặp, bất lợi cho bị cáo. Đối với Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo Đỗ Văn L có bố đẻ và ông bà là người có công với đất nước. Bị cáo Sìn A Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là những tình tiết được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo Sìn A Đ và Đỗ Văn L theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tiền án, tiền sự và nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự và nhân thân.

[6] Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo trên cơ sở cân nhắc đầy đủ, toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại trại giam với mức hình phạt nằm trong khung hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bản thân các bị cáo đều làm nghề tự do, thu nhập không ổn định, các bị cáo đều sinh sống tại địa bàn miền núi, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc tịch thu tài sản đối với các bị cáo.

[8] Đối với ý kiến bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Sìn A Đ, Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của người bào chữa về mức hình phạt, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, đồng thời đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sìn A Đ. Các đề nghị này phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và những nhận định, đánh giá của Hội đồng xét xử về vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa đối với các nội dung phù hợp với nhận định, phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nêu trên.

[9] Về xử lý vật chứng:

[9.1] Đối với các túi niêm phong chứa mẫu vật đã giám định và các đồ vật không còn giá trị sử dụng gồm: PS3 24139423, PS3 24139424 và PS3 24051660 là các vật chứa, mẫu vật liên quan đến ma túy đã được cơ quan có thẩm quyền thu giữ, niêm phong và sử dụng làm căn cứ giám định trong quá trình giải quyết vụ án. Sau khi hoàn thành việc giám định, các mẫu vật và bao gói còn lại không còn giá trị sử dụng; 20 mảnh giấy màu trắng ô ly; 03 túi nilon màu trắng; 02 miếng nilon màu xanh; 02 tờ giấy màu trắng có dòng kẻ; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng bên trong có 05 mảnh giấy màu trắng có đường kẻ màu xanh; 01 vỏ bao thuốc lá Sài Gòn bên trong có 06 mảnh giấy màu trắng có đường kẻ màu xanh; 01 chiếc kéo và 01 túi da đeo chéo màu đen, đều đã qua sử dụng; Đối với 01 cân điện tử bằng nhựa màu đen, trên bề mặt có dòng chữ “POCKET SCALE” thu giữ của Sìn A Đ và 01 cân điện tử có ghi “Max: 100g d = 0.0001g” thu giữ của Nguyễn Văn S là những đồ vật liên quan đến việc cất giữ, chia, đóng gói hoặc chứa đựng ma túy trong quá trình phạm tội, hiện không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số vật chứng nêu trên theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9.2] Đối với 05 chiếc điện thoại di động: Quá trình điều tra xác định các bị cáo đã sử dụng 05 chiếc điện thoại di động thu giữ của Sìn A, Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S để liên lạc, trao đổi, thỏa thuận và thực hiện việc giao dịch mua bán trái phép chất ma túy. Như vậy, xác định những chiếc điện thoại này là công cụ, phương tiện được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng. Do đó, cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước đối với 05 chiếc điện thoại di động nêu trên.

[9.3] Đối với số tiền thu lợi bất chính của Sìn A Đ là 19.800.000 đồng, trong đó bị cáo đã bị thu giữ số tiền thu lợi bất chính là 13.000.000 đồng thu giữ của Sìn A Đ, căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định đây là khoản tiền có nguồn gốc thu lợi bất chính từ hành vi mua bán trái phép chất ma túy mà có, cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, còn lại tiền 6.800.000 đồng bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân nên cần truy thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.800.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[9.4] Đối với số tiền 28.470.000 đồng thu giữ của Đỗ Văn L, có căn cứ xác định trong số tiền này có 9.980.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy mà có, cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền còn lại 18.490.000 đồng thu giữ của bị cáo Đỗ Văn L, xác định đây là tài sản có nguồn gốc hợp pháp, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do đó cần trả lại cho bị cáo Đỗ Văn L. Tuy nhiên, bị cáo Đỗ Văn L có nghĩa vụ truy thu số tiền 1.600.000 đồng là khoản thu lợi bất chính từ việc bán ma túy, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Vì vậy cần khấu trừ số tiền 1.600.000 đồng vào nghĩa vụ truy thu của bị cáo L, sau khi khấu trừ, số tiền còn lại là 16.890.000 đồng được trả cho bị cáo Đỗ Văn L.

[9.4] Truy thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Văn S số tiền 1.600.000 đồng, là tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết.

[9.5] Đối với xe mô tô Honda Wave Alpha biển số 23M1-187.05 thu giữ của Nguyễn Văn S, tuy nhiên chiếc xe xác định không phải là công cụ, phương tiện được sử dụng di chuyển để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, tuy nhiên đây là tài sản mua chung của gia đình. Do đó, cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn S cùng giấy tờ kèm theo theo quy định của pháp luật.

[9.6] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 23M1-079.95, thu giữ của Đỗ Văn L, giấy chứng nhận đăng ký xe thể hiện chủ xe là ông Don Chiến T4. Quá trình thẩm tra tại xác định đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo Đỗ Văn L và chị Nguyễn Thị X, xe đăng ký tên ông D1 Chiến Thắng do khi mua chưa sang tên. Chị X không biết Đỗ Văn L sử dụng chiếc xe vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần trả lại cho bị cáo. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001047 mang tên ông D1 Chiến Thắng, mặc dù xe chưa được sang tên chính chủ nhưng bị cáo Đỗ Văn L xác nhận xe do gia đình mua và quản lý, sử dụng, việc chưa sang tên là do chưa thực hiện được. Tại phiên tòa, bị cáo không có tranh chấp đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe này. Do đó, HĐXX không xem xét, giải quyết về quyền sở hữu đối với giấy tờ đăng ký xe trong vụ án này mà trả lại cho bị cáo Đỗ Văn L. Trường hợp sau này phát sinh tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng xe hoặc giấy tờ đăng ký xe thì các bên có quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9.7] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, biển số 23B1-599.51, thu giữ khi khám xét nơi ở của Sìn A, giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên bà Lý Thị K. Quá trình điều tra không có căn cứ xác định bà Lý Thị K là chủ sở hữu hợp pháp chiếc xe nêu trên, bà K không biết và không tham gia vào việc sử dụng chiếc xe để thực hiện hành vi phạm tội của Sìn A Đ. Do đó, cần trả lại chiếc xe cho bà Lý Thị K là chủ sở hữu hợp pháp, cùng chìa khóa và giấy chứng nhận đăng ký xe theo quy định của pháp luật.

[9.8] Đối với các tài sản, số tiền cần trả lại cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Sìn A, Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S đều tự nguyện đề nghị giao trả phần tài sản, số tiền của mình cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lý Thị K, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị N nhận thay. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các bị cáo, không bị ép buộc và không trái quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của các

bị cáo; giao các tài sản, số tiền nêu trên cho bà Lý Thị K, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị N nhận thay các bị cáo theo quy định.

[10] Đối với Nguyễn Đình H, Lê Văn Đ1 và Nguyễn Văn D: Nguyễn Đình H đã bị Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 20/4/2026; Lê Văn Đ1 có kết quả xét nghiệm âm tính với các chất ma túy. Hiến, Đ1 đều không thuộc trường hợp quy định tại Điều 256a Bộ luật Hình sự, được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự năm 2025, nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với hai người này về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Đối với Nguyễn Văn D, ngày 21/01/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” để điều tra, xử lý trong vụ án khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trách nhiệm của Nguyễn Đình H, Lê Văn Đ1 và Nguyễn Văn D về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy trong vụ án này.

[11] Đối với Lý Thị K, là vợ của bị cáo Sìn A Đ: Quá trình điều tra xác định Lý Thị K không biết việc Sìn A Đ mua bán, cất giấu trái phép chất ma túy. Do đó, không có căn cứ xác định K có hành vi đồng phạm hoặc hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến vụ án. Việc Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Lý Thị K là có căn cứ, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[12] Đối với người đàn ông bán Heroine cho Sìn A: Quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lai lịch của người này. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh để xử lý theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[13] Về án phí: Bị cáo Sìn A Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Vì vậy, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Sìn A Đ. Các bị cáo Đỗ Văn L và Nguyễn Văn S không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Sìn A, Nguyễn Văn S, Đỗ Văn L phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”

2. Hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 251; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Sìn A Đ 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn L 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/12/2025

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/12/2025

2.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đối với các vật chứng không còn giá trị sử dụng, lưu hành:

Tịch thu tiêu hủy đối với các vật chứng, gồm: 01 túi niêm phong mã số PS3 24139423; 01 túi niêm phong mã số PS3 24139424; 01 túi niêm phong mã số PS3 24051660; 20 mảnh giấy màu trắng ô ly đã qua sử dụng; 03 túi nilon màu trắng đã qua sử dụng; 02 miếng nilon màu xanh đã qua sử dụng; 02 tờ giấy màu trắng có dòng kẻ đã qua sử dụng; 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, bên trong có 05 mảnh giấy màu trắng có đường kẻ màu xanh đã qua sử dụng; 01 vỏ bao thuốc lá S, bên trong có 06 mảnh giấy màu trắng có đường kẻ màu xanh đã qua sử dụng; 01 Kìm bằng kim loại đã qua sử dụng; 01 chiếc kéo đã qua sử dụng; 01 túi da đeo chéo màu đen đã qua sử dụng; 01 cân điện tử bằng nhựa màu đen, trên bề mặt có dòng chữ “POCKET SCALE”, đã qua sử dụng; 01 cân điện tử, dưới đáy nắp có ghi chữ “Max: 100g d = 0.0001g”, đã qua sử dụng.

- Đối với 05 chiếc điện thoại bị thu giữ:

Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, loại Redmi, màu đen, ốp lưng màu đen có in hình hoa văn, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, loại Iphone, màu đen, mặt sau in hình quả táo, ốp lưng bằng nhựa màu trắng trong suốt, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng, loại VIVO, màu xanh tím, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu tím, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, mặt sau có chữ SAMSUNG, màu trắng, ốp lưng bằng nhựa có hoa văn, đã qua sử dụng.

- Đối với số tiền 41.470.000 đồng thu giữ:

+ Đối với bị cáo Sìn A Đ: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 13.000.000 đồng thu giữ của bị cáo, là tiền có nguồn gốc từ việc bán trái phép chất ma túy. Truy thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 6.800.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính bị cáo Đ đã chi tiêu sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

+ Đối với bị cáo Đỗ Văn L: Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.980.000 đồng là tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép chất ma túy trong tổng số tiền 28.470.000 đồng thu giữ của bị cáo. Truy thu số tiền 1.600.000 đồng là khoản thu lợi bất chính bị cáo đã sử dụng vào mục đích cá nhân. Số tiền truy thu trên được khấu trừ vào số tiền 18.490.000 đồng. Trả lại cho bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1988, địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang nhận thay bị cáo Đỗ Văn L số tiền 16.890.000 đồng, là số tiền còn lại có nguồn gốc hợp pháp sau khi khấu trừ nghĩa vụ truy thu đối với bị cáo Đỗ Văn L.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn S: Truy thu, sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có, bị cáo đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Số tiền 41.470.000 đồng đang tạm giữ nêu trên hiện đang được quản lý tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.1054090.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực VIII – Phòng nghiệp vụ 2. Cơ quan Thi hành án dân sự có trách nhiệm thực hiện việc thu, nộp, khấu trừ truy thu và hoàn trả theo quy định của pháp luật.

- Đối với 03 xe máy thu giữ của các bị cáo:

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ: thôn M, xã M, tỉnh Tuyên Quang nhận thay bị cáo Nguyễn Văn S: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE ALPHA, màu sơn xanh, đen, bạc, biển số 23M1-187.05, dung tích xi lanh 109 cm³, số máy JA39E2059013, số khung RLHJA3920LY056078, xe đã qua sử dụng, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy (bản photocopy).

+ Trả lại cho bà Nguyễn Thị X sinh năm 1988: Địa chỉ: Thôn C, xã M, tỉnh Tuyên Quang nhận thay bị cáo Đỗ Văn L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn trắng xanh, biển số 23M1-079.95, dung tích xi lanh 110 cm³, số máy 5C6H125545, số khung RLCS5C6H0FY125542, xe đã qua sử dụng, kèm theo 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001047, tên chủ xe Don Chiến Thắng, sinh năm 1985, địa chỉ thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang, biển số đăng ký 32M1-079.95, do Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang cấp ngày 18/6/2015;

+ Trả lại cho bà Lý Thị K, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn N, xã M, tỉnh Tuyên Quang: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave Alpha, màu sơn đỏ, đen, bạc, biển số 23B1-599.51, dung tích xi lanh 109 cm³, số máy JA39E1470288, số khung RLHJA3911LY132415, xe đã qua sử dụng, kèm theo 01 chìa khóa xe máy và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 066496, mang tên Lý Thị K, cấp ngày 04/6/2020;

(Tình trạng, đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Tuyên Quang ngày 10 tháng 6 năm 2026).

4. Về án phí:

Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Sìn A Đ;

Áp dụng các Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Văn S, Đỗ Văn L, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo:

Áp dụng Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Tòa Hình sự TAND T TQ;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 8 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các bị cáo; Người bào chữa;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng PC 10, PV 06 CA T TQ;
- CQCSĐT CA T TQ;
- Trại tạm giam số 2 CA tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Mậu Duệ, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Văn Tình